

TÀI LIỆU GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ

CÂU BỊ ĐỘNG VỚI ĐỘNG TỪ KHUYẾT THIẾU (Passive Voice with Modal Verbs)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ BẢN CHẤT LÝ THUYẾT

Động từ khuyết thiếu (Modal Verbs) là những động từ trợ dùng để diễn tả khả năng, sự cho phép, nghĩa vụ, lời khuyên hoặc dự đoán trong tương lai. Các động từ khuyết thiếu phổ biến bao gồm: *can, could, may, might, must, should, ought to, will, shall*, và dạng tương đương như *have to, be going to*.

Khi chuyển một câu chứa động từ khuyết thiếu từ thể **Chủ động (Active Voice)** sang thể **Bị động (Passive Voice)**, mục đích cốt lõi là hướng sự tập trung của người nghe/người đọc vào đối tượng chịu tác động của hành động, thay vì người thực hiện hành động đó.

II. CÔNG THỨC TỔNG QUÁT CÁC THỂ

Điểm mấu chốt và dễ nhớ nhất đối với học viên là: Sau động từ khuyết thiếu luôn luôn là động từ nguyên mẫu. Do đó, trong câu bị động, cấu trúc **be + PII** sẽ giữ nguyên chữ **be** mà không cần chia theo chủ ngữ.

1. Thể Khẳng định

CHỦ ĐỘNG (Active): $S + \text{Modal Verb} + V_{(\text{nguyên thể})} + O$

BỊ ĐỘNG (Passive): $S_{(\text{mới})} + \text{Modal Verb} + be + V_{3/\text{ed}} + (\text{by } O_{\text{mới}})$

2. Thể Phủ định

CHỦ ĐỘNG (Active): $S + \text{Modal Verb} + not + V_{(\text{nguyên thể})} + O$

BỊ ĐỘNG (Passive): $S_{(\text{mới})} + \text{Modal Verb} + not + be + V_{3/\text{ed}} + (\text{by } O_{\text{mới}})$

3. Thể Nghi vấn

CHỦ ĐỘNG (Active): *Modal Verb* + *S* + *V*_(nguyên thể) + *O*?

BỊ ĐỘNG (Passive): *Modal Verb* + *S*_(mới) + *be* + *V*_{3/ed} + (*by O*_{mới})?

III. QUY TRÌNH 4 BƯỚC BIẾN ĐỔI CHI TIẾT

Để học viên nắm vững bản chất, hãy hướng dẫn các em phân tích tuần tự theo mô hình chuẩn dưới đây dựa trên ví dụ gốc của bạn:

MẪU CÂU PHÂN TÍCH TIÊU CHUẨN

Câu chủ động: My Dad can build the house.

Bước 1: Xác định thành phần câu chủ động

- Chủ ngữ (**S**): **My Dad** (Người thực hiện hành động)
- Động từ khuyết thiếu + Động từ chính: **can build** (có thể xây dựng)
- Tân ngữ (**O**): **the house** (Đối tượng chịu tác động)

Bước 2: Chuyển Tân ngữ lên làm Chủ ngữ mới

- Đưa cụm từ **the house** lên đứng đầu câu làm **S**_(mới).

Bước 3: Áp dụng công thức bị động khuyết thiếu

- Giữ nguyên động từ khuyết thiếu **can**, thêm cụm liên kết bị động là **be + PII** (built). Ta được: **can be built**.

Bước 4: Chuyển Chủ ngữ cũ thành tân ngữ sau "by"

- Đưa **My Dad** về cuối câu và thêm từ chỉ tác nhân: **by my Dad**.

Kết quả câu bị động: **The house can be built by my Dad.**

Dịch nghĩa: Ngôi nhà có thể được xây dựng bởi bố của tôi.

IV. NHỮNG LƯU Ý PHÂN LOẠI MỞ RỘNG KHI GIẢNG DẠY

1. Đối với cụm từ khuyết thiếu "have to" và "be going to"

Học viên rất dễ nhầm lẫn khi chia động từ với hai cụm này. Bản chất biến đổi bị động vẫn giống nhau, nhưng từ *have* và *be* phải chia hòa hợp theo ngôi của Chủ ngữ mới.

- **He has to finish the report.** → **The report has to be finished by him.**
- **They are going to plant trees.** → **Trees are going to be planted.**

2. Quy tắc lược bỏ "by + tân ngữ"

Nếu chủ ngữ trong câu chủ động là các từ chung chung không xác định (*people, someone, they, you, everyone...*), giáo viên cần nhắc học viên chủ động lược bỏ cụm **by + O** ở câu bị động.

V. 10 BÀI TẬP THỰC HÀNH TỰ LUẬN NGAY TẠI LỚP

Yêu cầu: Học viên hãy xác định động từ khuyết thiếu và tân ngữ, sau đó chuyển các câu sau sang thể bị động.

1. **Sentence 1 (with Should):** You should wash your hands before eating meals.
2. **Sentence 2 (with Must):** Students must hand in their homework on time.
3. **Sentence 3 (with May):** The manager may approve your request tomorrow.
4. **Sentence 4 (with Could):** They could not solve the difficult puzzle in time.
5. **Sentence 5 (with Might):** Heavy rain might delay the outdoor concert.
6. **Sentence 6 (with Have to):** She has to complete the training course this week.
7. **Sentence 7 (with Ought to):** We ought to protect the environment for our future.
8. **Sentence 8 (with Will):** The government will build a new hospital in this area.
9. **Sentence 9 (with Be going to):** They are going to organize a charity event next Sunday.
10. **Sentence 10 (with Must - Negative):** You must not use mobile phones during the examination.

VI. ĐÁP ÁN CHI TIẾT VÀ GIẢI THÍCH NGỮ PHÁP

Phần này dành riêng cho giáo viên chấm bài hoặc dùng làm tài liệu tự đối chiếu kết quả cho học viên.

1. Your hands should be washed before eating meals.

Giải thích: Tân ngữ "your hands" lên làm chủ ngữ mới. Cấu trúc bị động "should be washed". Đại từ "You" chung chung nên được lược bỏ "by you". Dịch nghĩa: Tay của bạn nên được rửa sạch trước khi ăn bữa ăn.

2. Homework must be handed in on time by students.

Giải thích: Tân ngữ "their homework" đổi thành "homework" làm chủ ngữ mới. Động từ "must be handed in". Dịch nghĩa: Bài tập về nhà phải được nộp đúng hạn bởi các học sinh.

3. Your request may be approved by the manager tomorrow.

Giải thích: Tân ngữ "your request" lên đầu câu. Cụm động từ là "may be approved". Trạng ngữ "tomorrow" đứng cuối. Dịch nghĩa: Yêu cầu của bạn có thể được phê duyệt bởi người quản lý vào ngày mai.

4. The difficult puzzle could not be solved in time.

Giải thích: Câu phủ định khuyết thiếu. Tân ngữ "the difficult puzzle" chuyển lên, cấu trúc động từ là "could not be solved". "They" được bỏ. Dịch nghĩa: Câu đố khó đã không thể được giải quyết kịp thời.

5. The outdoor concert might be delayed by heavy rain.

Giải thích: Tân ngữ "the outdoor concert" làm chủ ngữ mới. Động từ biến đổi thành "might be delayed". Dịch nghĩa: Buổi hòa nhạc ngoài trời có thể bị hoãn lại bởi mưa lớn.

6. The training course has to be completed by her this week.

Giải thích: Lưu ý cụm "has to" đi kèm chủ ngữ số ít "The training course", động từ bị động là "has to be completed". Dịch nghĩa: Khóa học đào tạo phải được hoàn thành bởi cô ấy trong tuần này.

7. The environment ought to be protected for our future.

Giải thích: Tân ngữ "the environment" chuyển lên làm chủ ngữ. Động từ "ought to be protected". Bỏ "by us". Dịch nghĩa: Môi trường nên được bảo vệ vì tương lai của chúng ta.

8. A new hospital will be built in this area by the government.

Giải thích: "Will" cũng là một dạng động từ khuyết thiếu chỉ tương lai. Tân ngữ "a new hospital" lên đầu câu, động từ chuyển thành "will be built". Dịch nghĩa: Một bệnh viện mới sẽ được xây dựng ở khu vực này bởi chính phủ.

9. A charity event is going to be organized next Sunday.

Giải thích: Tân ngữ "a charity event" là danh từ số ít nên cụm "are going to" phải đổi thành "is going to be organized". Bỏ "by them". Dịch nghĩa: Một sự kiện từ thiện sắp được tổ chức vào Chủ Nhật tới.

10. Mobile phones must not be used during the examination.

Giải thích: Tân ngữ "mobile phones" lên đầu câu. Thể phủ định cấm đoán "must not be used". Lược bỏ "by you". Dịch nghĩa: Điện thoại di động không được phép sử dụng trong suốt kỳ thi.